

Mẫu yêu cầu báo giá
Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế huyện Văn Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất xét nghiệm, hóa chất khử khuẩn đơn vị tự đầu thầu và danh mục không lựa chọn được nhà thầu theo kết quả đầu thầu tập trung tại Sở Y tế tỉnh Hưng Yên năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Văn Giang với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Văn Giang

Địa chỉ: : Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ: Nguyễn Thị Lý

Chức vụ: Trưởng khoa Dược

Số điện thoại: 091.6.801.013

Email: Nguyenlyduocsy@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:...

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-Trung tâm y tế huyện Văn Giang

Địa chỉ: : Xã Cửu Cao, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 10 năm 2023 đến trước 16h 30 phút ngày 05 tháng 11 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Hóa chất xét nghiệm, hóa chất khử khuẩn sử dụng cho Trung tâm y tế huyện Văn Giang.

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
1	Hóa chất định lượng Free Thyroxine	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản.	12	Hộp

		- Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản.		
2	Thyroid-Stimulating Hormone (CLIA)	*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 μU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	12	Hộp
3	Chất chuẩn cho xét nghiệm Free T4	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq ; C2:1×2.0 mL/lq * Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	3	Hộp
4	Chất chuẩn cho xét nghiệm Total T3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq ; C2:1×2.0 mL/lq * Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	3	Hộp
5	Chất chuẩn cho xét nghiệm TSH	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq ; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: TSH ở 2 mức nồng độ.	3	Hộp
6	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg * Quy cách : 3×5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	3	Hộp
7	Cuvette phản ứng	*Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i *Quy cách: 21×2×88/thùng (Mỗi thùng có 21 hộp, mỗi hộp có 2 khay, mỗi khay có 88 cuvette)	1	Thùng
8	Cơ chất dùng cho xét nghiệm miễn dịch	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	2	Hộp
9	Dung dịch đệm rửa hệ thống	*Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	10	Thùng
10	Dung dịch rửa đầu kim	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm * Quy cách:1 lít/chai *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	3	Chai
11	Total Triiodothyronine (CLIA)	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS) trong đệm MES với chất bảo quản	12	Hộp
12	Dây bơm dùng cho máy điện giải đồ tự động	Dây bơm Tubing pump Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Chiếc
13	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm điện giải đồ	Được sử dụng để kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm định lượng đa thông số cho máy phân tích điện giải: Natri, Kali, ion Canxi, Clo và pH.	1	Lọ
14	Dung dịch rửa máy xét nghiệm điện giải đồ	Dung dịch rửa máy xét nghiệm Thành phần chính:	2	Lọ

		Sodium Hypochlorite Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016		
15	Huyết thanh kiểm tra CRP mức thấp	Thành phần: là sự pha loãng từ huyết tương và dịch màng phổi người với dung dịch muối đệm phosphate. Chất bảo quản: sodium azide Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1ml/ Lọ	4	Lọ
16	Huyết thanh kiểm tra CRP mức cao	Thành phần: là sự pha loãng từ huyết tương và dịch màng phổi người với dung dịch muối đệm phosphate. Chất bảo quản: sodium azide Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1ml/ Lọ	4	Lọ
17	cuvet cho máy sinh hóa Pictus 700	Cuvette cho máy xét nghiệm sinh hoá, tương thích theo máy Pictus 700, HumaStar 600 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	4	Bộ
18	Bóng đèn halogen Máy xét nghiệm Sinh hóa tự động Pictus 700 12V -20W	Bóng đèn cho máy xét nghiệm sinh hoá 12V/20W Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	4	Cái
19	Dây bơm dùng cho máy sinh hóa Pictus 400; P500, Pictus 700, Faca200	Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Cái
20	Điện cực Na	Điện cực Na Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Hộp
21	Điện cực K	Điện cực K Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Hộp
22	Điện cực Cl	Điện cực Cl Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Hộp
23	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Hộp
24	Ống nghiệm 1.5 ml	Ống ly tâm dung tích 1.5ml, cổ vạch chia, đáy hình nón. Có thể hấp tiệt trùng Chất liệu: Polypropolyne USP VI Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	2	Túi
25	Hóa chất kiểm tra, kiểm soát cho xét nghiệm thường quy mức bình thường	Vật liệu kiểm soát đồng khô dựa trên huyết tương của con người, được khử phân tử cho các kết quả đo sau: Acid Phosphatase (Total), Albumin, Alk. Phosphatase, ALT, Amylase, P-Amylase, AST, Bilirubin, Bilirubin (Direct), Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL-C, LDL-C, Cholinesterase, CK, Copper, Creatinine, GGT, Glucose, GLDH, HBDH, IgA, IgG, IgM, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Phosphorous, Potassium, Sodium, Total Protein, Transferrin, Triglycerides, Urea, Uric Acid, Zn. Quy cách: 1x5ml	12	Lọ
26	Hóa chất kiểm tra, kiểm soát cho xét nghiệm mức bất thường	Thành phần: là huyết thanh chuẩn dạng đông khô sản xuất từ huyết thanh người: Acid Phosphatase (Total), Albumin, Alk. Phosphatase, ALT, Amylase, P-Amylase, AST, Bilirubin, Bilirubin (Direct), Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL-C, LDL-C, Cholinesterase, CK, Copper, Creatinine, GGT, Glucose, HBDH, IgA, IgG, IgM, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Phosphorous, Potassium, Sodium, Total Protein, Transferrin, Triglycerides, Urea, Uric Acid, Zn Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Quy cách: 1x5ml	12	Lọ
27	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa thường quy dải thường	Thành phần: là huyết thanh chuẩn dạng đông khô sản xuất từ huyết thanh người Hiệu chuẩn các chỉ số: Total acid phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT / GPT, α-Amylase total, α-Amylase pancreatic, AST / GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Calcium, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Cholinesterase, CK-NAC, Creatinine, Glucose, GGT, GLDH, HBDH, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate, inorganic, Protein, total, Salicylate, Triglycerides, Uric Acid, Ure Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1x3ml	12	Lọ

28	Hemostat Thromboplastin-SI	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ chứa Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C.	20	Hộp
29	5 x 15 ml Packing Wash Solution - HumaClot Pro	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%	12	Hộp
30	5 x 15 ml Packing Cleaner - HumaClot Pro	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thải, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution	4	Hộp
31	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng để xác định thủ công, tự động thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa activated Partial Thrombinplastin Time (aPTT) Hộp hóa chất gồm có: - Hoá chất 1: Hóa chất aPTT-EL 6x4ml, thành phần: cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium zide < 0.01%; - Hóa chất 2: Dung dịch CaCl ₂ 0.02 mol/l, 6x4ml, thành phần: sodium azide < 0.01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định: Khi được bảo quản ở 2 ... 8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng; Sau khi mở, hóa chất ổn định 14 ngày khi bảo quản 2-8 °C.	10	Hộp
32	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng để xác định thủ công, tự động Fibrinogen trong huyết tương. Hộp gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0.01% - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0.05mol/l, chất đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn dạng đông khô 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0.01%. Độ ổn định: Khi được bảo quản ở 2 -8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng; Sau khi mở, hóa chất ổn định 7 ngày khi bảo quản 2-8 °C.	13	Hộp
33	Cuvette sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Cuvette sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	3	Hộp
34	Albumin	Thành phần hoạt tính: phospholipids, ellagic acid activator, buffer. Chất thử Labitec – APTT dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hoá, từ đó xác định biểu hiện hoạt tính đông máu của các yếu tố tham gia trong con đường đông máu nội sinh (VIII, IX, XI, XII, II, X, fibrinogen...). Quy cách: 10x2ml	3	Hộp
35	Bilirubin Direct	Thành phần hoạt tính Calcium Chloride 0.025M và 0.095% sodium azide. Chất thử LABiTec - Calcium Chloride là chất xúc tác cho quá trình phân tích APTT dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hoá, từ đó xác định biểu hiện hoạt tính đông máu của các yếu tố tham gia trong con đường đông máu nội sinh (VIII, IX, XI, XII, II, X, fibrinogen...).	3	Hộp

36	Bilirubin Total	Thành phần hoạt tính: R1 Thrombin 100 NIH U/mL, R2: Imidazole Buffer, R3: kaolin Suspension. Chất thử LABiTec -Fibrinogen dùng cho các trường hợp chỉ định xét nghiệm xác định protein. Giúp phát hiện một hội chứng viêm. Để thăm dò rối loạn đông máu khi bệnh nhân có hội chứng chảy máu. Định lượng nồng độ fibrinogen máu được chỉ định khi các xét nghiệm đông máu khác. Để theo dõi trong quá trình điều trị tiêu fibrin. Có thể được sử dụng để theo dõi tình trạng bệnh gan tiến triển.	3	Hộp
37	Protein total	Thành phần: APTT reagent: colloidal silicate cùng với phospholipids, buffer, preservatives. CaCl ₂ : calcium chloride 0,025 mol/L cùng với preservatives. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 5x5 mL + CaCl ₂ 5x5 mL	3	Hộp
38	Uric acid	Hóa chất đông khô, kết hợp với yếu tố mô ở người và phospholipids tổng hợp (thromboplastin), ion Canxi, phức hợp heparin trung hòa, dung dịch đệm, chất bảo quản (Albumin huyết thanh bò) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x4ml	3	Hộp
39	Amylase	Thành phần có nguồn gốc từ người Dạng đông khô Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 10x1ml	5	Hộp
40	Hóa chất định lượng Calcium	Thành phần: Kaolin 0.5g/L Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1x50ml	25	Hộp
41	Hóa chất hiệu chuẩn CRP	Thành phần Chất chuẩn là sự pha loãng từ huyết tương và dịch màng phổi người chứa CRP mức cao với dung dịch muối đệm phosphate CRP (mg/dl) Calibrator 1: 0.69 Calibrator 2: 1.40 Calibrator 3: 2.91 Calibrator 4: 10.90 Calibrator 5: 21.80 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 5x1ml	3	Hộp
42	Kiểm tra mức thấp HbA1c	Thành phần: Chất chuẩn là hemolysate được tạo ra từ hồng cầu, được đông khô và ổn định hóa. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1x0.5ml	3	Lọ
43	Kiểm tra mức cao HbA1c	Thành phần: Chất chuẩn là hemolysate được tạo ra từ hồng cầu, được đông khô và ổn định hóa. Quy cách: 1x0.5ml	3	Lọ
44	Chuẩn HbA1c	Thành phần: Chất chuẩn trong bộ chuẩn là hemolysate được tạo ra từ hồng cầu, được đông khô và ổn định hóa. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 4x0,5ml	3	Bộ
45	Dung dịch rửa acid đậm đặc	Thành phần: Quaternary ammonium compounds, surfactants, organic acids Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 Quy cách: 1000ml	11	Lọ
46	Điện cực tham chiếu	Điện cực cảm biến quy chiếu dùng với ISE Model của máy phân tích hóa sinh kèm điện giải Pictus Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	2	Cái
47	Xút lỏng NaOH 32%	Chất lỏng màu trắng trong suốt. Nồng độ (NaOH): 32% ± 1.0%	800	Kg
48	Methanol 99%	Chất lỏng trong suốt, không màu, tan trong nước Hàm lượng 99%	800	Lít

49	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ, trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng	1.000	Lit
	Tổng số: 49			

2. Địa điểm cung cấp tại Khoa Dược-Trung tâm y tế huyện Văn Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi có Quyết định trúng thầu tại Trung tâm y tế huyện Văn Giang.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo quy định hiện hành

5. Các thông tin khác.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (đã đóng dấu).

- Kính mời các Nhà thầu cung cấp hóa chất xét nghiệm, hóa chất khử khuẩn chào giá về Trung tâm y tế huyện Văn Giang.

- Địa điểm nhận báo giá: Khoa dược-Trang thiết bị-VTTYT, Trung tâm y tế huyện Văn Giang.

Địa chỉ: Xã Cửu Cao – huyện Văn Giang – Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3 931 106

Xin chân thành cảm ơn./.

Văn Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Ths Bs. VŨ TRƯỜNG SƠN

